

TRƯỜNG THCS TRUNG LẬP

LỚP: 6

HỌ TÊN HS:

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN TOÁN 6
TUẦN 3 Từ : 20/9 – 25/9/2021

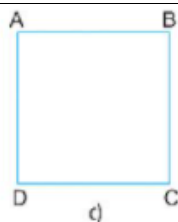
(Các em phải thực hiện đầy đủ phiếu này, lưu lại mỗi tuần)

Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu:

BÀI HỌC	NỘI DUNG CÁC EM PHẢI ĐẠT ĐƯỢC
BÀI 7. DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, CHO 5	1. Dấu hiệu chia hết cho 2. HĐKP1: Học sinh đọc sách giáo khoa và suy nghĩ trả lời. Gợi ý: Các đội A, B, C, H, I có tổng số người là số chẵn nên chia hết cho 2. Vì vậy, trong các đội thì các đội có thể xếp được thành hai hàng có số người bằng nhau là đội A, B, C, H, I. *Dấu hiệu chia hết cho 2: học thuộc dấu hiệu Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 (tức chữ số chẵn) thì chia hết cho 2 và chỉ những số đó mới chia hết cho 2. Thực hành 1: HS suy nghĩ làm bài a) Các số lớn hơn 1000 và chia hết cho Gợi ý :1002, 1256 b) Các số lớn hơn 100 và không chia hết cho 2 Gợi ý 103, 159 2. Dấu hiệu chia hết cho 5. HĐKP2: Học sinh đọc sách giáo khoa và suy nghĩ trả lời. Gợi ý Các số chia hết cho 5 là: 10, 15, 25, 95. Chữ số tận cùng của các số chia hết cho 5 là 0 và 5. Dấu hiệu chia hết cho 5: học thuộc dấu hiệu Các số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5 thì chia hết cho 5 và chỉ những số đó mới chia hết cho 5. Thực hành 2: HS suy nghĩ làm bài Gợi ý a) Thay dấu * bởi các chữ số 0, 2, 4, 6, 8 thì $\overline{17} *$ chia hết cho 2. b) Thay dấu * bởi các chữ số 0, 5 thì $\overline{17} *$ chia hết cho 5. c) Thay dấu * bởi chữ số 0 thì $\overline{17} *$ chia hết cho cả 2 và 5. * Cố gắng hoàn thành bài tập 1 SGK trang 25

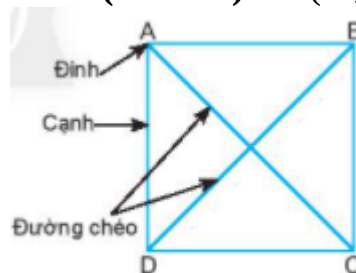
BÀI 8 DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9	1. Dấu hiệu chia hết cho 9. HĐKP1: Học sinh đọc SGK và suy nghĩ trả lời. Gọi ý: Khẳng định của An là đúng. Vì mọi số đều viết được dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9. Nhận xét: Mọi số đều viết dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9. Dấu hiệu chia hết cho 9: học thuộc dấu hiệu Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì chia hết cho 9 và chỉ những số đó mới chia hết cho 9. Thực hành 1: HS suy nghĩ làm bài Gợi ý a) 245 có $2 + 4 + 5 = 11/9$ nên $245 \not\vdots 9$ $9\ 087$ có $9 + 0 + 8 + 7 = 24 \vdots 9$ nên $9\ 087 \vdots 9$ 398 có $3 + 9 + 6 = 18 \vdots 9$ nên $398 \vdots 9$ 531 có $5 + 3 + 1 = 9 \vdots 9$ nên $531 \vdots 9$ Vậy các số 398, 531 chia hết cho 9. b) Hai số chia hết cho 9 là 936, 18 Hai số không chia hết cho 9 là 987, 192. 2. Dấu hiệu chia hết cho 3. HĐKP2: Học sinh đọc SGK và suy nghĩ trả lời. Gợi ý $315 = 3 \cdot 100 + 1 \cdot 10 + 5$ $= 3 \cdot (99 + 1) + 1 \cdot (9 + 1) + 5$ $= 3 \cdot 99 + 3 + 9 + 1 + 5$ $= (3 + 1 + 5) + (3 \cdot 3 \cdot 11 + 3) \cdot 3$ $418 = 4 \cdot 100 + 1 \cdot 10 + 8$ $= 4 \cdot (99 + 1) + 1 \cdot (9 + 1) + 8$ $= 4 \cdot 99 + 4 + 9 + 1 + 8$ $= (4 + 1 + 8) + (4 \cdot 3 \cdot 11 + 3) \cdot 3$ Dấu hiệu chia hết cho 3: học thuộc dấu hiệu Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3. Thực hành 2: HS suy nghĩ làm bài Gợi ý Trong hai số 315 và 418 thì số 315 chia hết cho 3. Vì số 315 có $3 + 1 + 5 = 9$ chia hết cho 3. * Cố gắng hoàn thành bài tập 1,2 SGK trang 27
BÀI 9 ƯỚC VÀ BỘI	1. Ước và bội Học sinh học thuộc Nếu số tự nhiên a chia hết cho số tự nhiên b thì ta nói a là bội của b, còn b gọi là ước của a. Chú ý: + Số 0 là bội của tất cả các số tự nhiên khác 0. Số 0 không là ước của bất kì số tự nhiên nào. + Số 1 chỉ có một ước là 1. Số 1 là ước của mọi số tự

	nhiên. + Mọi số tự nhiên a lớn hơn 1 luôn có ít nhất hai ước là 1 và chính nó. Thực hành 1: HS suy nghĩ làm bài Gợi ý 1) a) 48 là bội của 6 b) 12 là ước của 48 c) 48 là ước/bội của 48 d) 0 là bội của 48 2) $U(6) = \{1; 2; 3; 6\}$. 3) $U(24) = \{1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 24\}$. $\Rightarrow$ Số 24 là bội của 1, 2, 3, 4, 6, 8, 12, 24. 2. Cách tìm ước. HĐKP2: Học sinh đọc SGK và suy nghĩ trả lời. Gợi ý Số 18 có thể chia hết cho các số 1, 2, 3, 6, 9, 18. Cách tìm $U(a)$: Học sinh đọc Muốn tìm các ước của số tự nhiên a ($a > 1$), ta có thể lần lượt chia a cho các số tự nhiên từ 1 đến a để xét xem a chia hết cho những số nào, khi đó các số ấy là ước của a, Thực hành 2: HS suy nghĩ làm bài Gợi ý a) $U(17) = \{1; 17\}$. b) $U(20) = \{1; 2; 4; 5; 10; 20\}$. 3. Cách tìm bội. *Cách tìm $B(a)$: Học sinh học thuộc Muốn tìm các bội của số tự nhiên $a \neq 0$, ta có thể nhân a lần lượt với 0, 1, 2, 3, ... <u>Chú ý:</u> Học sinh đọc SGK Bội của a có dạng tổng quát là $a \cdot k$ với $k \in \mathbb{N}$. Ta có thể viết: $B(a) = \{a \cdot k \mid k \in \mathbb{N}\}$ Thực hành 3: HS suy nghĩ làm bài Gợi ý a) $B(4) = \{0, 4, 8, 12, 16, 20, 24, 28, 32, 36, 40, 44, \dots\}$. b) $B(7) = \{0, 7, 14, 21, 28, 35, 42, 49, 56, 63, 70, 77, \dots\}$. * Cố gắng hoàn thành bài tập 1 SGK trang 30
BÀI 1 HÌNH VUÔNG – TAM GIÁC ĐỀU – LỤC GIÁC ĐỀU	1. Hình vuông HĐKP1: Học sinh đọc SGK và suy nghĩ trả lời. Gợi ý a) Hình c) là hình vuông.



b) Sau khi dùng thước êke kiểm tra thì thấy các cạnh bằng nhau và các góc bằng nhau.

Hình vuông ABCD (Hình 2) có: (Học sinh học thuộc)



Hình 2

- Bốn **đỉnh**: A, B, C, D

- Bốn **cạnh** bằng nhau:

$$AB = BC = CD = DA$$

Các đường chéo: AC, BD.

- Bốn **góc** bằng nhau và bằng góc vuông.

- Hai **đường chéo** là AC và BD.

Thực hành 1: HS suy nghĩ làm bài

Gợi ý

Sau khi kiểm tra thì ta nhận thấy hai đường chéo AC và BD bằng nhau.

=> Hai **đường chéo** của hình vuông bằng nhau.

Vận dụng 1: HS suy nghĩ làm bài

Gợi ý



Hình 3

Bạn Trang nói như vậy là **sai**.

Bởi vì sau khi kiểm tra, ta thấy rằng các cạnh của hình 3 bằng nhau nhưng các góc lại không bằng nhau, một của hình không phải là góc vuông.

Thực hành 2: Vẽ hình vuông

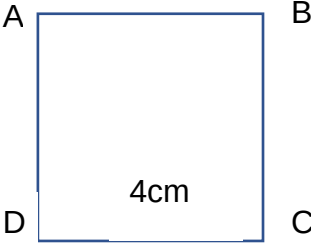
HS đọc và làm theo hướng dẫn

Vẽ hình vuông ABCD cạnh 4cm bằng thước và ê ke:

+ Bước 1: Vẽ đoạn thẳng CD = 4cm.

+ Bước 2: Vẽ hai đường thẳng vuông góc với CD tại C và D như hình vẽ trong SGK (tr 76).

+ Bước 3: Nối hai điểm A và B ta được hình vuông cần

	vẽ. => Ta được hình vuông ABCD.  Thực hành 3: HS suy nghĩ làm bài Gợi ý 
--	--

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học:

BÀI HỌC	NỘI DUNG CÁC EM PHẢI ĐẠT ĐƯỢC
BÀI 7. DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, CHO 5	Học sinh hoàn thành bài tập 1 SGK trang 25 Trong những số sau: 2023, 19445, 1001, số nào a) Chia hết cho 2? b) Chia hết cho 5? c) Chia hết cho 10?
BÀI 8 DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9	Học sinh hoàn thành bài tập 1, 2 SGK trang 27 BT1 Cho các số 117, 3447, 5085, 534, 9348, 123. a) Em hãy viết tập hợp A gồm các số chia hết cho 9 trong các số trên. b) Có số nào trong các số trên chỉ chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9 không?

BÀI 9 ƯỚC VÀ BỘI	Học sinh hoàn thành bài tập 1, 2 SGK trang 30 BT1 Chọn kí hiệu $\in$ hoặc $\notin$ thay cho ? trong mỗi câu sau để được các kết luận đúng: a) $6 ? U(48)$ b) $12 ? U(30)$ c) $7 ? U(42)$ d) $18 ? B(4)$ e) $28 ? B(7)$ d) $36 ? B(12)$ BT2 a) Tìm tập hợp các ước của 30. b) Tìm tập hợp các bội của 6 và nhỏ hơn 50
BÀI 1 HÌNH VUÔNG – TAM GIÁC ĐỀU – LỤC GIÁC ĐỀU	Học sinh hoàn thành bài tập 2 SGK trang 79 BT 2 Dùng thước và ê ke để vẽ hình vuông cạnh 7 cm

Hoạt động 3: Những thắc mắc của HS: (phần này bắt buộc các em phải làm đầy đủ)

Bài	Những nội dung các em đã hiểu	Câu hỏi thắc mắc
BÀI 7. DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 2, CHO 5		.
BÀI 8 DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9		
BÀI 9 ƯỚC VÀ BỘI		
BÀI 1 HÌNH VUÔNG – TAM GIÁC ĐỀU – LỤC GIÁC ĐỀU		

Ngày tháng năm 2021
Phụ huynh xem và kí tên

